

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2018/DS- ST
Ngày 14 - 9 - 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Doãn Thị Vệ và ông Nguyễn Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V).

Trụ sở chính: 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 60 đường L, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; là người đại diện theo ủy quyền lại (Theo các Văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ- CT ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Văn bản ủy quyền lại số: 1375/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 20 tháng 3 năm 2018), có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V là bà Lê Thị H trình bày: Ngày 15 tháng 7 năm 2014, anh Nguyễn Đăng T có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền là 38.850.000đ, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm, lãi suất 3,75%/tháng, phương thức trả nợ trả chậm trong vòng 24 tháng. Tổng số tiền anh Nguyễn Đăng T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V trong vòng 24 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 60.268.000đ, cụ thể trong 23 tháng đầu mỗi tháng anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.484.000đ, tháng cuối cùng trả 3.136.000đ, kỳ thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/09/2014. Ngày 25/7/2014 anh Nguyễn Đăng T đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ, anh Nguyễn Đăng T đã trả cho Ngân hàng được 1 lần vào ngày 27/02/2015 với tổng số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn) (trong đó, nợ gốc đã trả là 2.432.732đ, nợ lãi đã trả là 4.567.268đ). Sau ngày 27/02/2015, anh Nguyễn Đăng T không thanh toán thêm cho Ngân hàng một khoản tiền nào nữa, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Mặc dù trong Hợp đồng tín dụng thể hiện anh Nguyễn Đăng T vay tiền với mục đích mua sắm dụng cụ gia đình, tuy nhiên thực tế anh T sử dụng số tiền vay này vào mục đích tiêu dùng riêng cho cá nhân, không có liên quan gì đến các thành viên trong gia đình. Do vậy, Ngân hàng chỉ yêu cầu anh Nguyễn Đăng T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và không yêu cầu các thành viên khác trong gia đình anh T phải thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, ngày 20/3/2018 Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện anh Nguyễn Đăng T tại Tòa án, đề nghị buộc anh Nguyễn Đăng T phải trả Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ, tính đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 01/8/2016) là 53,268,000đồng, trong đó nợ gốc là 36.417,268đồng, nợ lãi là 16.850,732đồng. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của Ngân hàng TMCP V còn yêu cầu anh T phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày 02/8/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử. Nhưng tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP V tự nguyện không yêu cầu anh T phải trả số tiền lãi từ ngày 02/8/2016 cho đến ngày xét xử, đồng thời về nghĩa vụ chậm thanh toán của anh T, VP Bank cũng tự nguyện đề nghị Tòa án tính theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, mà không tính theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng T tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 5 năm 2018 anh T trình bày: Anh thừa nhận ngày 15 tháng 7 năm 2014, anh có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V để

vay số tiền là 38.850.000đ, mục đích vay, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thanh toán và số tiền anh đã thanh toán và số tiền anh còn nợ đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay Ngân hàng khởi kiện anh yêu cầu phải trả số tiền tính đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 01/8/2016) là 53.268.000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ và tiền lãi tính từ ngày 02/8/2016 cho đến ngày thanh toán khoản nợ, quan điểm của anh đề nghị cho anh trả dần mỗi tháng 2000.000đ cho đến khi thanh toán hết tiền gốc, còn tiền lãi đề nghị Ngân hàng miễn cho anh. Việc anh vay tiền để chi tiêu cho cá nhân anh, không liên quan đến những thành viên trong gia đình. Do vậy Ngân hàng khởi kiện anh có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của chị Vũ Thị H1 vợ của anh Nguyễn Đăng T, chị H1 trình bày: Việc anh T vay tiền của Ngân hàng TMCP V chị không biết và không liên quan đến chị. Trong Hợp đồng tín dụng có ghi anh T vay tiền mục đích mua sắm dụng cụ gia đình là không đúng, vì anh T không vay tiền mua sắm gì cho gia đình. Chị khẳng định anh T vay tiền để chi tiêu cho cá nhân anh T, nay Ngân hàng TMCP V có đơn khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền tính đến ngày hết hạn hợp đồng ngày 01/8/2016 là 53.268.000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ, quan điểm của chị anh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Do điều kiện công việc bận, nên chị đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 24, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc anh Nguyễn Đăng T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 53.268.000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ và lãi suất chậm thanh toán theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Anh Nguyễn Đăng T phải chịu án phí theo quy định của pháp

luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt: VPBank) là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh ngân hàng, Kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 15 tháng 7 năm 2014, anh Nguyễn Đăng T có địa chỉ tại Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền 38.850.000đ, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm, lãi suất là 3,75%/tháng. Do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong đề nghị vay mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 7 năm 2014 và được quy định tại khoản 3.2 Điều 3 trong Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn anh Nguyễn Đăng T tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 15 tháng 7 năm 2014 nguyên đơn với bị đơn đã ký kết đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số: 20140723-129006-0004, số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 38.850.000đ, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là tín chấp và không có tài sản bảo đảm, lãi suất của khoản vay là 3,75%/tháng, phương thức trả nợ trả chậm trong vòng 24 tháng. Tổng số tiền anh Nguyễn Đăng T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V trong vòng 24 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 60.268.000đ. Bị đơn là anh T đã trả cho ngân hàng được 01 lần ngày 27/02/2015 với số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn) (trong đó, nợ gốc đã trả là 2.432.732đ, nợ lãi đã trả là 4.567.268đ). Kể từ 28/02/2015 anh Nguyễn Đăng T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào khác cho Ngân hàng. Tính đến ngày hết hạn của Hợp đồng (ngày 01/8/2016) anh T còn nợ Ngân hàng là 53.268,000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ. Căn cứ

vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là sự thật khách quan, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 36.417.268đ, xin trả dần mỗi tháng 2000.000đ cho đến khi thanh toán hết tiền gốc, còn tiền lãi đề nghị Ngân hàng miễn cho anh. Tuy nhiên, từ tháng 5 năm 2018 đến ngày Tòa án xét xử, anh T vẫn không trả cho Ngân hàng khoản tiền nào. Do vậy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, mà yêu cầu bị đơn trả ngay toàn bộ số tiền là 53.268.000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 02/8/2016 cho đến ngày xét xử và tự nguyện điều chỉnh mức lãi suất đối với nghĩa vụ chậm thanh toán theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP V, anh Nguyễn Đăng T và chị Vũ Thị H 1(vợ anh T) đều xác anh T vay tiền để sử dụng chi tiêu cho cá nhân anh T và không liên quan đến vợ và gia đình. Nay Ngân hàng chỉ khởi kiện anh T, vì vậy cần buộc bị đơn là anh T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 53.268.000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 53.268.000đ x 5% = 2.663.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 24, Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Buộc anh Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 53.268.000đ, trong đó nợ gốc là 36.417.268đ, nợ lãi là 16.850.732đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đăng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.663.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Ngân hàng

TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.331.000đ (Một triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003453 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Đăng T chưa thanh toán được số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải chịu lãi suất do chậm trả tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS TP.Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thịnh Doãn Thị Vệ

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS TP.Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thịnh Doãn Thị Vệ

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS TP.Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thúy

